

TẢN MẠN VỀ “16 CHỮ VÀNG” CỦA “CỤ HOÀNG”

Nguyễn Khắc Dương*



Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm
(1889-1954)

Viết những dòng sau đây, tôi không đặt mình vào vị trí một người con hoài niệm về người cha muôn vàn kính yêu của mình đã từ trần cách đây 60 năm trời trong những hoàn cảnh bi thảm như thế nào. Tôi phải cố gắng tạm gác một bên những cảm xúc bi ai thống thiết và uất hận, mỗi lần nghĩ đến cái chết của cha mình (và còn của nhiều người khác nữa!) để tâm hồn được thanh thản tưởng niệm về “Cụ Hoàng Hương Sơn” - một nhân vật được đông đảo bà con huyện Hương Sơn ta dành cho nhiều cảm tình, nói ngưỡng mộ thì hơi quá, nhưng có lẽ từ “kính nể thiện cảm” thì vừa phải.

Thanh thản, vâng! 60 năm qua rồi, với bao nhiêu là biến đổi về mọi mặt trong nước nhà cũng như trên toàn thế giới. Không phải vô tình quên lãng, nhưng lắng đọng, gạn đục khơi trong đối với tất cả, ngay cả với chính bản thân mình, để tất cả những ai về

đây đoàn tụ, được cùng nhau sống trong bầu không khí thân ái, bao dung. Tất cả, kể sống cũng như chính cụ Hoàng ta, sau 60 năm, đã rũ sạch mọi phiền não ô trọc của kiếp người, cũng hiện diện chứng giám cho lòng thành của chúng ta đang hướng về anh linh của Người.

Tưởng niệm: Nhớ lại về quá khứ, mà nay đã được gạn đục khơi trong, để tâm trí chúng ta được thăng hoa, nhìn cuộc đời với một cặp mắt tươi sáng, an hòa.

Hình như cách đây vài năm, có một đề nghị tổ chức một cuộc hội thảo về hai nhân vật được xem như tiêu biểu của mẫu người trí thức của Hà Tĩnh: một thuộc về tân học - Cố Giáo sư Hoàng Xuân Hãn; một thuộc về cựu trào - “Cụ Hoàng Hương Sơn”.

Hôm nay, tôi có ý kiến phác họa vài nét về cụ Hoàng (con người đã gần trăm năm thuở ấy! Và tôi cũng đã lên tuổi 90 rồi! - Tự nhiên tôi bỗng liên tưởng đến bài thơ của Vũ Đình Liên về cụ Đồ Nho viết câu đối bên vệt đường...).

Theo tôi, bức ảnh phác họa được đúc kết lại trong cái danh xưng “Cụ Hoàng” mà chúng ta dùng để gọi Người.

Để nắm được cái cốt yếu bao hàm trong danh xưng “Cụ Hoàng”, chúng ta hãy đem nó đối chiếu với một danh xưng khác đã từng được dùng để nói đến Người: “Cụ Hiệp”. Đây là cái danh xưng về cụ, trong thời gian cụ về hưu được gia phong hàm “Hiệp tá Đại học sĩ” do triều đình Huế thời Bảo Đại ban cho.

* Nguyễn Quyền Trưởng khoa Văn-Triết, Đại học Đà Lạt (trước 1975), hiện nghỉ hưu tại Huế.

“Hoàng” là Hoàng giáp (khoa bảng); “Hiệp” là Hiệp tá (phẩm hàm). Danh xưng thứ nhất có từ lúc Người mới 19 tuổi, danh xưng thứ hai chỉ có lúc cụ về hưu trí (thời đó trên 50 đã là vào hàng lão!). Hai danh xưng ấy đã được “đúc kết” trong 4 chữ ở bức bình phong tôn vinh cụ đặt tại căn nhà khách của gia đình: **“Cao khoa hiển hoạn”**

(“Cao khoa” - Hoàng giáp, tức Đề nghị giáp Tiến sĩ; “Hiệp tá” - Tòng nhất phẩm, tức là vào hạng nhất và nhì của tầng lớp trí thức sĩ tử thời Nho học).

Sự đối chiếu ấy, tôi đã đúc gọn trong đôi câu đối:

*Hiển hoạn thăng trầm cùng thế sự
Cao khoa tồn tại với non sông.*

Sau Cách mạng tháng Tám và từ đó về sau ít ai gọi Người là “Cụ Hiệp” nữa (thậm chí danh xưng ấy cũng không dùng để hạ nhục!) nhưng danh xưng “Cụ Hoàng” thì bao nhiêu người đã dùng để tôn vinh cụ.

Sau đây là vài suy nghĩ về hiển hoạn:

“Hiển” ư? Có thật thế không?

Tầng lớp trí thức nghĩ thế nào về hoạn lộ? Xin trích vài câu:

- “*Cánh buồm bể hoạn mênh mang*

Cái phong ba khéo cợt phường lợi danh”

[Cung oán ngâm khúc]

- “*Vào luôn ra cúi công hầu mà chi...*”

- “*Lạ gì cái thói quan nha...*”

[Truyện Kiều]

Còn dân gian thì: “*Quan nhất thời, dân vạn đại*”, “*Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan!*”

Đó là nói về hoạn lộ chung chung, ngay cả lúc chế độ còn hưng thịnh đã vậy; huống chi cái thời mạt vận của triều Nguyễn (như thời Khải Định, Bảo Đại).

Chính cụ Hoàng ta cũng thấm thía điều ấy! Chỉ một câu cụ tâm sự với người cháu Tổng Trần Cương lúc ra nhậm chức Quyền Tổng đốc Thanh Hóa: “On peut mettre n’importe qui n’importe où pour faire n’importe quoi” (Người ta có thể đặt bất cứ ai ở bất cứ chỗ nào để làm bất cứ gì) đã cho chúng ta rõ tâm sự của vị quan bất đắc dĩ tự chế giễu vị thế của mình như thế nào.

Do đó, chính Người đã khuyên dạy con cái “Các con đừng làm quan. Làm quan dễ thất đức lắm!” (Trong bài “Noi theo đạo nhà” của anh Viện cũng nhắc một câu tương tự).

Sau vài nét về hoạn lộ, chúng ta hãy nâng tâm hồn lên với **“Cao khoa”** để tìm hiểu những gì bao hàm trong danh xưng “Cụ Hoàng”.

Kể từ khi Văn Miếu đầu tiên được thành lập để ghi danh các bậc đại khoa cho đến kỳ thi Hội cuối cùng ở Huế năm 1919, tổng số các vị đại khoa cũng không ít. Riêng huyện Hương Sơn ta, nếu tôi không nhầm, có hai vị Hoàng giáp. (Điều đáng lưu ý là cả hai đều quê làng Gôi Mỹ và đều là có liên hệ huyết thống với họ Đinh - thân mẫu cụ Hoàng ta người họ Đinh).

Cần lưu ý theo truyền thống Nho giáo: Những vị “hiển hoạn” không đương nhiên được ghi trên bia đá bằng vàng; về hưu rồi, là “Tể tướng hồi hưu bá huyện quan”. Phẩm hàm là thuộc về vị thứ trong một cơ chế; cá nhân thay phiên nhau với tư cách “làm công” lãnh lương; rời khỏi chức vị, thì được phong hàm kèm theo hai chữ “trí sự” hưu trí chỉ là hư danh, chứ quyền không mà lợi cũng không.

Còn “Cao khoa” là một sự công nhận về giá trị của chính bản thân người được danh xưng ấy, do chính nhà vua (được xem như là vị Con Trời Thừa Thiên) xác nhận, ban cho với một ý nghĩa khác với bằng cấp theo Tây học. Có thể thu gọn sự khác biệt như sau:

Tân học chuyên về kỹ năng chuyên nghiệp; cựu học nhằm đào tạo, giáo dục nên những con người tài đức toàn diện mà hình như **“đức”** là chính - “Chọn kẻ hiền tài”... Học trên hết là học làm Người, tu thân là gốc. Và hoa quả: Không phải chỉ lo trau chuốt đạo đức duy kỷ, mà hướng về mục đích: chẳng những “định thiên hạ” mà còn vươn lên đỉnh cao là “Cùng với trời đất hóa dục muôn vật” theo mẫu mực tuyệt đỉnh là Nghiêu Thuấn: Thừa thiên hành đạo; ảnh hưởng đến toàn thể vũ trụ, đạt đến viễn cảnh “Vũ trụ thái hòa thiên”.

Trong một trao đổi riêng với Giáo sư Dương Thiệu Tóng (là hậu duệ các cụ Dương Lâm, Dương Khuê) về các nhà đại khoa tuổi chưa đến 20, chúng tôi đều có suy nghĩ rằng: Giáo dục ngày xưa, người dạy học là sư phụ (Maitre), chứ không phải là giáo sư (Professeur). Và các bậc danh Nho đều là một đệ tử (disciple) của một bậc sư phụ duy nhất (Hội Đồng môn là vậy).

Dường như có một suối nguồn Thiên đạo nào đó từ Nghiêu Thuấn, Chu Công, Khổng Tử, Chu Hy v.v...

Ở Việt Nam ta có thể xem Chu Văn An, rồi qua các vị như Phùng Khắc Khoan, Lương Thế Vinh, Trương Hán Siêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp... và tại đất Hồng Lam thời cận đại có thể nhắc đến hai cụ Thám làng Ngang (ở Nam Đàn), cụ Cao Xuân Dục, Hoàng giáp Đặng Văn Thụy, Tế tửu Nguyễn Văn Tĩnh, cụ Nghè Giá, cụ Lê Kinh Hạp, cụ Hà Học Văn và chính cụ Hoàng ta nữa.

Còn khoa bảng, thi cử, thì không chỉ là kiểm tra sự tích lũy kiến thức, điều luyện kỹ năng do dày công đào luyện, mà là một trắc nghiệm, thậm chí thăm dò để phát hiện những hiền tài, có thể mang mầm sinh tiềm ẩn mà thiên cơ chuẩn bị sẵn ban xuống cho một dòng họ, một địa phương chuẩn bị cho một thời hưng vận quây quần chung quanh một vị chân mạng đế vương nào đó, chẳng những là trị quốc bình thiên hạ mà còn vươn tới tuyệt đỉnh là cùng với trời đất hóa dục muôn vật, hướng tới cứu cánh “Vũ trụ thái hòa thiên” như chính cụ Hoàng ta mô tả trong một vế câu đối ở Thương Bạc tại cố đô Huế.

Theo cái quan niệm về cơ trời vận nước ấy, (tôi chỉ giới thiệu một quan niệm cơ bản của một nền văn hóa cho ta hiểu đúng tâm tư của nhân vật, chứ tôi không bàn đến vấn đề quan niệm ấy đúng hay sai) thì sự kiện cụ Hoàng ta cùng vua Thành Thái hai lần đối diện và trao đổi với nhau trong khóa thi



Đình Thương
Bạc, Huế
với 4 câu
đối của cụ
Nguyễn
Khắc Niêm
trên 4 cột
trụ biểu.

Đình năm Đình Mùi ấy bao hàm cái ý nghĩa cao sâu nhất trong cái danh xưng “Cụ Hoàng” cùng với đỉnh cao là “Tứ tôn châm” nay vẫn còn được truyền tụng:

***Tôn tộc đại quy
Tôn lộc đại nguy
Tôn tài đại thịnh
Tôn nịnh đại suy***

Ta cần đào sâu để nắm bắt được những gì ẩn chứa trong 16 chữ vàng ấy.

Quả thật đúng là 16 chữ vàng ròng!

Ta nên nhớ rằng 4 câu ấy tự nó chẳng có gì là độc đáo lắm, ai lại chẳng biết “Tôn tộc...” thì..., “Tôn nịnh...” thì v.v..., nhưng cái chính là những điều ấy được nói lên và được lắng nghe bởi một bên là một chàng thanh niên 19 tuổi,



“Tứ tôn châm” trưng bày tại “Nhà Tưởng niệm Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm”.

tuy là đại khoa nhưng cũng chỉ là một thư sinh, lại xuất xứ từ một vùng sâu, vùng xa đất Nghệ Tĩnh; một bên là một vị quân vương, tuy chưa phải là một anh quân nhưng cũng là một nhân vật được xem như là có khả năng đưa đất nước thời bấy giờ hướng đến một thời sáng sủa. Và sự trao đổi ấy lại xảy ra trong một nơi chốn thâm nghiêm: vườn thượng uyển, trong giây phút vua tôi cùng thưởng ngoạn danh hoa dị thảo, để mừng ngày “lạc đệ” (ngày vui lớn) của những anh tài của đất nước.

Cuộc trao đổi tuy chỉ trong tích tắc, có vẻ như bột phát nhưng sự góp ý của

chàng trai 19 tuổi, sự lưu tâm của một nhà vua sau 18 năm trị vì đang bị thử thách, không thể gọi đó là một niềm hy vọng nào đó như những cuộc hạnh ngộ giữa Hán Cao Tổ với Trương Lương, Lưu Bị với Khổng Minh hay như Nguyễn Huệ với Nguyễn Thiếp. (Đương nhiên tôi phóng đại lên cho dễ minh họa, nhưng cũng không phải hoàn toàn là hoang tưởng, vĩ cuồng!).

Ta cũng nên hiểu, vua Thành Thái lúc bấy giờ cũng không phải chỉ cô độc một mình. Chung quanh ngài có một số cận thần có ít nhiều phẩm chất như Thượng thư Cao Xuân Dục, Tế tửu Đặng Văn Thụy, Thượng thư Thân Trọng Huề, Tế tửu Lê Văn Miến và có thể có cả cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - tuy chỉ là một chức quan nhỏ - nhưng chắc chắn có tương giao tích cực với các sĩ phu đất Nghệ Tĩnh tại kinh đô.

16 chữ vàng không phải tình cờ và ngẫu nhiên mà được phát biểu ra.

Căn cứ vào sự kiện sau đây: Có thể cái giây phút ấy là đóa hoa đã nở ra cho một sự an bài nào đó. Quả vậy, trước cuộc trò chuyện trong vườn thượng uyển, hẳn là đã có cuộc trao đổi khá lý thú giữa hai nhân vật ấy.

Trong lúc vua Thành Thái đi giám sát cuộc khảo thí tại sân rồng ngày thi Đình, Ngài dừng lại chỗ ông Hội nguyên (cụ Niêm đứng đầu kỳ thi Hội, nên gọi là “Hội nguyên”) đang còn chăm chú làm bài, nhìn vào thí sinh, hơi nhíu mày hỏi: “Thầy Nghè năm nay bao nhiêu tuổi, nói thật đi!”

Vị Hội nguyên (thực ra chỉ là một chàng thư sinh “non choẹt” 19 tuổi, lại xuất xứ từ cái xóm “Cơn Trôi” làng Gôi Vị đất Nghệ Tĩnh) bỗng giật mình toát mồ hôi lấp bắp: “Tâu xin bệ hạ bao dung cho cái tội mạn khai tuổi tác của thần. Thần thực ra mới 19 tuổi, chứ không phải 22 như đã khai trong sổ bộ.”

Vua Thành Thái vẫn nghiêm nghị nhưng từ tốn phán rằng: “Hãy bình tâm làm bài, đã thành khẩn, ta không có gì trách quở”; rồi hạ giọng xuống trầm ngâm: “Tuổi nhỏ, tài cao nhưng tiếc thay, sinh bất phùng thời!”. Sau đó ngài hơi cúi đầu đi tiếp giám sát sân Đình thí.

Có dư luận ca tụng vua Thành Thái có cái nhìn tinh, không ai giấu Ngài được điều gì (đồn rằng ảo thuật nào cũng bị ngài lật tẩy, nên dạo qua sân thi, mà phát hiện ra anh chàng 19 mạn khai là 22 tuổi); có thể quả là như vậy. Nhưng cũng có thể chính cụ Cao Xuân Dục - nhạc phụ của Tế tửu Đặng Văn Thụy là một trong những vị mà cụ Hoàng ta có dịp thụ giáo, đã giới thiệu vị Hội nguyên cho nhà vua trong ngày thi Đình và nhà vua đã lưu tâm đến. Ta còn có thể tư biện, trong cuộc cưỡi ngựa xem hoa ngày ấy, giữa hai người còn có trao đổi gì thêm nữa không? Và trong các vị đại khoa khác, đã trả lời câu hỏi của nhà vua như thế nào mà không được ai lưu tâm để ý.

Nhưng ta hãy suy nghĩ: 16 chữ vàng đã được lưu truyền và ca ngợi ấy, nội dung của 16 chữ chỉ là nhắc lại lẽ phải ở đời mà ai cũng biết .

Nhưng phân tích kỹ ta sẽ thấy rằng:

Đó không phải là lời của một người có tài “kinh bang tế thế” hiến kế cho bậc quân vương để thực hiện một vấn đề cụ thể nào đó của quốc gia trong một

thời kỳ nào đó, mà gần như là lời cảnh giác của một vị lão thành ở cương vị một GIÁN thần thuộc ĐÔ SÁT Viện khuyến cáo vị lãnh đạo hãy tự xét mình trong thâm tâm đã biết “tôn” những cái gì? “Tứ tôn châm” - số 4 chỉ là gợi ra một vài đối tượng của lòng tôn sùng ái mộ của bất cứ con người nào, từ bậc vương giả cho đến lê dân. Ví dụ trong cơ chế thị trường thì “khách” là thượng đế; thi hoa hậu thì nhan sắc được đăng quang; bóng đá thì cú sút của cầu thủ nọ được tôn vinh... Trong lịch sử thì đã có Từ Hải sa cơ vì “tôn Thúy Kiều” (hiếu sắc), Hạng Vũ thất bại vì “hiếu sát”...

“Tôn châm” - cái kim chỉ hướng cho con người biết chọn cái mình tôn cho hợp đạo trời đất, cũng như với cách hành xử của con người. Mưu bá, đồ vương hay thương dân yêu nước; biết lo cho mọi người hay chỉ bảo vệ vương triều (thậm chí cho cá nhân như Võ Tắc Thiên...).

Xin lỗi Thầy! Nếu tôi là vua Thành Thái thì tôi sẽ quát: “Man khai là tội nhẹ, mà tội chính vì dám ứng xử như bậc hiền nhân huấn giáo cho ta. Đó là khi quân! Ta chỉ mới ban cho cái “nhị giáp” mà người đã lên mặt hiền nhân! Thật là cả gan!”. Nhưng vua Thành Thái đã không xử sự như thế.

Và như thế, quả thật là “Cao khoa”, không chỉ ở chỗ nội dung của 16 chữ vàng ấy, mà ở chỗ cậu thanh niên trẻ măng dám nói với vị Thiên tử và nhà vua đã biết lắng nghe. Vậy cũng như là khen nhà vua! Một nhà vua khiêm tốn bên chàng Nho sinh quả cảm thật là cân xứng! Đó chính là đỉnh cao của cái gọi là Cao khoa!

*
* *

Danh xưng “Hiệp tá” có lẽ ngày nay ít người nhắc đến; còn danh xưng “Hoàng giáp” thì chưa đủ để đánh giá những gì bao hàm trong 16 chữ vàng.

Như trên đã nói, cụ Hoàng không chỉ đóng vai một người có tài “kinh bang tế thế” dâng lên nhà vua một sách lược để giải quyết một vấn đề trọng đại của đất nước, lại càng không chỉ hạn chế vào vấn đề dùng người (chỉ có 2 chữ “tài” và “ninh”); còn hai chữ “tộc” và “lộc” thì liên quan đến bản chất sinh tồn của con người. “Tứ tôn châm” chẳng qua là tiêu biểu cho hai tâm hướng tốt-xấu, hay thậm chí thiện-ác, mà con người luôn luôn phải đứng trước sự lựa chọn theo “châm” nào đó. Bất cứ con người nào cũng vậy, trong mọi việc “xử kỷ tiếp vật” ở đời, bậc quân vương cũng thế, kẻ lê dân cũng vậy, phải tự mình lựa chọn lấy con đường mình đi giữa hai xu hướng tốt-xấu, tích cực-tiêu cực trong cuộc hành trình của bất cứ một kiếp người nào.

Trên kia khi liên tưởng đến những cuộc tương phùng giữa các bậc quân vương và các hiền nhân, tôi tự thấy mình có thể phạm lỗi “vĩ cuồng”; nhưng bây giờ tôi hoàn toàn nghĩ ngược lại: Có thể không ngoa ngôn mà nói rằng chúng ta đã vươn cao lên gần đến một cuộc tương phùng có thể nói là đỉnh cao của nền văn hóa Đông phương về cách xử thế trong câu chuyện Mạnh Tử kiến Lương Huệ Vương đàm đạo về nghĩa và lợi. Đó là một cuộc trao đổi giữa một bên là một hiền nhân (một nhà minh triết) giáo huấn cho bất cứ người nào tầm sư học đạo.

Cao khoa tưởng khó lòng vượt lên cao hơn nữa, cho nên danh xưng hiền nhân mới thật là tương xứng. “Hiệp tá” hay “Hoàng giáp” thì cũng chỉ là danh xưng, dù để tôn vinh hay nhục mạ, cũng chỉ là lớp sơn phết bề ngoài. Danh xưng “hiền nhân” mới xứng đáng để tôn vinh phẩm chất của một con người.

Xin được mượn lời của một nhà trí thức tên tuổi đã nói về cụ Hoàng ta với tôi như thế này: “Feu votre Père n’est pas simplement un mandarin intègre, ni simplement un lettré émérite. Il est un vrai sage.” (Cụ cố nhà ta không phải chỉ là một ông quan liêm khiết, cũng không chỉ là nhà Nho cự phách. Người là một hiền giả đích thực).

Có thể nói câu ấy cũng hơi quá, nhưng không phải hoàn toàn là không đúng. Tôi chợt nhớ đến Cố Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, trong một cuộc trao đổi với tôi về vấn đề tìm về *minh triết* Việt Nam, có nói với tôi, nửa đùa nửa thật rằng: “Dùng danh từ hàn lâm cho oách vậy thôi, chứ chỉ có nghĩa là cố gắng làm một con người tử tế”.

Hôm nay, tưởng niệm cụ Hoàng - một vị cao khoa trong nền văn hóa cổ truyền của nước ta, chúng ta ngược mắt lên cao, để tự đặt mình vào tâm thế như đang nghe lời cụ còn văng vẳng, để cố gắng ít nhất trở nên một con người tử tế trong cuộc đời thường.

Trường An - Huế, 6/8/2014

N K D

TÓM TẮT

Về bài “Tứ tôn châm” [Bốn điều răn cần đề cao] của cụ Nguyễn Khắc Niêm, những năm vừa qua, đã có nhiều bài bình luận trên báo chí; như tác giả Cam Ly đã viết trên báo *Phụ nữ thủ đô* năm 2006: “Muội sáu chữ vàng của cụ Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm là chuyện của ngót một trăm năm trước, thời vua Thành Thái, nay vẫn còn nguyên giá trị, ý nghĩa giáo dục nhân sinh sâu sắc và lay động tâm can tất cả những ai vì sự trường tồn của dân tộc”. Bài viết của tác giả Nguyễn Khắc Dương đề cập một khía cạnh khác: Tác giả cho rằng, nội dung 4 câu ấy tự nó chẳng có gì là độc đáo lắm, ai cũng hiểu; vấn đề là hoàn cảnh ra đời “Tứ tôn châm” - cái “duyên” gặp gỡ giữa một Nho sĩ trẻ măng ở một vùng quê xa với vua Thành Thái nói riêng và suy rộng ra là mối quan hệ giữa người trí thức-nhà cầm quyền. Mối quan hệ ấy chỉ có kết quả khi cả hai đều có nhân cách - người trí thức phải có dũng khí dám nói sự thật và nhà cầm quyền thì phải khiêm tốn, lắng nghe.

ABSTRACT

SOME THOUGHTS ON “16 GOLDEN WORDS” OF “DR. HOÀNG”

In the last few years, there have been some commentaries on newspapers and magazines about “Tứ tôn châm” (Four commendments need to be respected) of Dr. Nguyễn Khắc Niêm; the author Cam Ly wrote in *Phụ nữ thủ đô* newspaper in 2006: “Although Sixteen golden words of Dr. Nguyễn Khắc Niêm was the matter of about a hundred years ago, under the reign of Emperor Thành Thái, their values still remain, and their deep educational significance still stirs the hearts of those who take interest in the fate of their country”. An article by Nguyễn Khắc Dương refers to another aspect: The author argues that the content of these four verses itself is simple to understand and not too unique, the worthiness is the historical context of “Tứ tôn châm” - the “predestined affinity” between a young Confucian student in a remote rural area and Emperor Thành Thái in particular, and the relationship between the intellectuals and the authorities in general. That relationship only has good results when both sides have human dignity - the intellectuals dare to tell the truth, and the authorities should be modest and attentive.